

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2024/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2024

NGHI QUYẾT

Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA X KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng
6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật
Kinh doanh bất động sản và Luật Tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Đồng Nai về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với
đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số
633/BC-BKTNS ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại
kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách đảm bảo đất sinh hoạt cộng đồng cho
đồng bào dân tộc thiểu số và chính sách hỗ trợ đất đai cho cá nhân là người dân
tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu
số và miền núi trên địa bàn tỉnh theo quy định khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều
16 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, dân tộc.
- Đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ về đất đai

1. Nhà nước hỗ trợ về đất đai theo Điều 1 Nghị quyết này khi địa phương có quỹ đất.

2. Phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa, dân tộc.

3. Đảm bảo công khai, minh bạch; đối xử công bằng giữa các đối tượng thụ hưởng.

Điều 4. Chính sách đảm bảo đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số

1. Địa phương (đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn, phường, ấp, khu phố) có trên 20 hộ gia đình là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thì được bố trí địa điểm sinh hoạt cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng.

2. Diện tích bố trí tùy thuộc vào số lượng người phù hợp theo quy định pháp luật về xây dựng. Thủ tục giao đất, thủ tục đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 5. Quỹ đất để thực hiện chính sách về đất đai

Quỹ đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 6. Chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Không thu tiền sử dụng đất nông nghiệp đối với trường hợp giao đất nông nghiệp trong hạn mức.

2. Giảm 50% tiền sử dụng đất đối với các trường hợp sau:

a) Giao đất ở trong hạn mức;

b) Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hạn mức giao đất

Hạn mức giao đất cho các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này như sau:

1. Đất ở được tính theo hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản:

a) Không quá 01 ha cho mỗi loại đất đối với thị trấn, phường;

Trường hợp được giao nhiều loại đất trong cùng nhóm đất nông nghiệp thì tổng diện tích được giao không quá 02 ha.

b) Không quá 02 ha cho mỗi loại đất đối với xã;

Trường hợp được giao nhiều loại đất trong cùng nhóm đất nông nghiệp thì tổng diện tích được giao không quá 04 ha.

3. Đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng trồng

a) Không quá 02 ha cho mỗi loại đất đối với thị trấn, phường;

b) Không quá 04 ha cho mỗi loại đất đối với xã.

4. Hạn mức giao đất nông nghiệp nêu trên được tính trong tổng hạn mức giao đất nông nghiệp được quy định tại Điều 176 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 8. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai

Nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án hỗ trợ giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách giao về cho cấp huyện theo phương án do Ủy ban nhân dân huyện đề xuất và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật; đảm bảo nguồn kinh phí, bố trí nguồn nhân lực để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2024. / *mm*

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Vụ Pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thành ủy, huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐ.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo